**2. Đề nghị xác nhận việc chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Trình tự thực hiện** | |
| Bước 1 | Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ báo cáo chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK); |
| Bước 2 | TTLK tiếp nhận thông tin khai báo.  (i)Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin, TTLK chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài và xác nhận điện tử trên hệ thống thông qua thành viên lưu ký.  (ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do. |
| Bước 3 | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận xác nhận điện tử, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định cho TTLK; |
| Bước 4 | TTLK xác nhận bằng văn bản việc chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký). |
| **2. Cách thức thực hiện** | |
| Bước 1 &  bước 2 | Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến; |
| Bước 3 &  bước 4 | **- Cách thức nhận hồ sơ:** Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;  **- Cách thức trả kết quả:** Thành viên lưu ký nhận văn bản xác nhận việc thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại trụ sở. |
| **3. Thành phần hồ sơ: (Số lượng hồ sơ: 01 bộ)** | |
|  | 1) Báo cáo thay đổi (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký);  2) Bản sao văn bản ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);  3) Báo cáo chi tiết về danh mục đầu tư trên tài khoản lưu ký cũ;  4) Hợp đồng nguyên tắc hoặc thông báo của thành viên lưu ký cũ về việc thanh lý hợp đồng lưu ký;  5) Hợp đồng nguyên tắc về việc mở tài khoản lưu ký mới hoặc bản sao văn bản ủy quyền cho hoạt động lưu ký tại Việt Nam;  6) Hồ sơ đề nghị tất toán tài khoản lưu ký hoặc chuyển khoản chứng khoán theo hướng dẫn của TTLK. |
| **Lưu ý** | - Trước khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký thực hiện báo cáo với TTLK.  - Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;  - Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. |
| **4. Thời hạn giải quyết** | |
| Bước 2 | 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến; |
| Bước 4 | 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký. |
| **5. Đối tượng thực hiện** | |
|  | Thành viên lưu ký được ủy quyền thực hiện báo cáo. |
| **6. Cơ quan thực hiện** | |
|  | Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam |
| **7. Kết quả thực hiện** | |
|  | Văn bản xác nhận việc chuyển danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài từ tài khoản lưu ký cũ sang tài khoản lưu ký mới. |
| **8. Phí, lệ phí:**Không có | |
| **9. Tên mẫu đơn, tờ khai:**Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, bao gồm: | |
|  | - Phụ lục 3: Báo cáo về một số thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài (do nhà đầu tư lập);  - Phụ lục 13: Thống kê danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. |
| **10. Yêu cầu, điều kiện:**Không có | |
| **11. Căn cứ pháp lý** | |
|  | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. |

**Các phụ lục kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

**Phụ lục 3/Appendix 3**

**MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)**

**REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION CHANGE**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor’s name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung cũ  Original Information | Nội dung mới  New Information |
| 1. | Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address | |
|  | Tên cũ:  Original Name | Tên mới (nếu có)  New Name (if any) |
| Địa chỉ cũ  Original Address | Địa chỉ mới (nếu có)  New Address (if any) |
| Tel/Fax/Email | Tel/Fax/Email (if any/ nếu có) |
| Số đăng ký NSH | Số đăng ký NSH mới (nếu có) |
| 2. | Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian | |
|  | Thành viên lưu ký cũ  Original Custodian | Thành viên lưu ký mới (nếu có)  New Custodian (if any) |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản lưu ký | Số tài khoản lưu ký mới |
| 3. | Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp  Change of bank where the client open foreign indirect investment account | |
|  | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ)  Old bank | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có)  New bank |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ  Foreign Indirect Investment Account | Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới  New Foreign Indirect Investment Account (if any) |
| 4. | Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative | |
|  | Đại diện giao dịch cũ  Old trading representative | Đại diện giao dịch mới (nếu có)  New trading representative |
| Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: | Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: |
| Địa chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: | Đại chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: |
| Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading | Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading |
| 5. | Chuyển danh mục/ Change of brokers | |
|  | Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)  Địa chỉ  Address | Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor  Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name | Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name |
| Số tài khoản chuyển:  Sending Securities Account No | Số tài khoản nhận:  Receiving Securities Account No |
| 6. | Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền … (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.  Other changes compared to information previously filled in application form such asType of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)… shall be reported by law. | |
| 7. | Thông tin về người liên lạc/ Contact person | |
|  | Họ tên người liên lạc/ Name of contact person  Địa chỉ/ Address:  Điện thoại/Tel:  Email: | |
|  | Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.  2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial/ securities market.  3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.  I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document. | |
|  | Hồ sơ kèm theo  Attachments | |
|  | Nhà đầu tư:  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền  Name and Signature  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |

**Phụ lục 13/ Appendix 13**

**MẪU THỐNG KÊ DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....,ngày ... tháng ... năm*...

Place, date

**THỐNG KÊ DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

I.​ **THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ**

1.​ Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

2.​ Loại hình nhà đầu tư: Cá nhân ⁯ Tổ chức ⁯

3.​ Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư/địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.......

Tel.......................fax............................email........................

4.​ Quốc tịch của nhà đầu tư:

5.​ Giấy đăng ký NSH[1](http://www.ssc.gov.vn/ubck/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/vi/chitietTTHC.jspx?id=948&_afrLoop=27554042430116794&_afrWindowMode=0#footnote_1)........................................................

Do:…………………………… cấp ngày………tháng………..năm………..(nếu có)

Có hiệu lực tới ngày………..tháng………….năm………………………… (nếu có)

6.​ Mã số giao dịch chứng khoán:

Ngày cấp:

7.​ Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có):

Số tài khoản:.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt):............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký...................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........

8.​ Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có):

Số tài khoản:.................................................. ..............................................

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt):............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........

**II.​ THÔNG TIN VỀ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN TÀI KHOẢN LƯU KÝ DỰ KIẾN TẤT TOÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã chứng khoán** | **Khối lượng chứng khoán** | **Số tài khoản lưu ký** |
| A | Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ | | |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| B | Tín phiếu |  |  |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| C | Trái phiếu |  |  |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| C | Các tài sản lưu ký khác |  |  |

Thời điểm thống kê danh mục:

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ chính xác của tài liệu này.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP BIỂU** | **KIỂM SOÁT** | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ**  *(Ký tên, đóng dấu, chức danh)* |

[1](http://www.ssc.gov.vn/ubck/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/vi/chitietTTHC.jspx?id=948&_afrLoop=27554042430116794&_afrWindowMode=0#footnote_back_1) Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam